

HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGANG HÀNG HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN

● TẠ THU HỒNG NHUNG - NGUYỄN MẠNH HÙNG

TÓM TẮT:

Cho vay ngang hàng là một mô hình Fintech đã và đang hoạt động tại Việt Nam, với định hướng kết nối tài chính giữa nhà đầu tư và người đi vay đối với các khoản vay nhỏ. Bên cạnh đó, tài chính toàn diện đang là một mục tiêu mà Việt Nam hướng đến, đặc biệt sau khi Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 149/QĐ/TTg phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Bài viết phân tích hoạt động cho vay ngang hàng và khả năng tiếp cận tài chính nhằm đánh giá tiềm năng phát triển, đồng thời đề xuất giải pháp để hoạt động này được mở rộng hơn trong tương lai, hoàn thiện nên bức tranh tài chính hoạt diện.

Từ khóa: cho vay ngang hàng, tài chính toàn diện, trung gian tài chính, nguồn vốn nhân rồi.

1. Đặt vấn đề

Cho vay ngang hàng với khả năng tiếp cận dễ dàng và với những khoản vay nhỏ lẻ được kỳ vọng sẽ kết nối và hỗ trợ vốn cho mọi thành phần kinh tế trong xã hội, đặc biệt với những người khó tiếp cận vốn ở những thị trường chính thức vì những vướng mắc về các quy định như tài sản đảm bảo, phải có đủ báo cáo tài chính hoạt động trong thời gian nhất định... Tài chính toàn diện (TCTD) là một chủ đề được đề cập nhiều trong thời gian gần đây, vì những lợi ích đối với người thụ hưởng, hệ thống tài chính và nền kinh tế của quốc gia.

Cho vay ngang hàng (Peer to peer - P2P lending) là một loại hình Fintech, trung gian tài chính đã và đang được sự quan tâm nhiều từ các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp, cơ quan quản lý ở trên thế giới cũng như ở tại Việt Nam. Mặc dù lợi ích tiềm năng mô hình kinh doanh này mang lại rất lớn đối với bên cho vay và bên đi vay, tận dụng tối

đa nguồn vốn nhân rồi trong xã hội. Bên cạnh đó, tài chính toàn diện cũng đang là mục tiêu Việt Nam hướng tới và mô hình cho vay ngang hàng cũng là một trong những giải pháp được kỳ vọng nhằm hoàn thiện bức tranh tài chính toàn diện. Do đó, cho vay ngang hàng rất cần thiết đối với nền kinh tế muốn hướng tới tài chính toàn diện. Vì vậy, việc phân tích hoạt động cho vay ngang hàng và các đánh giá về khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, qua đó nhằm đưa ra những giải pháp để hoạt động P2P lending được ủng hộ, tạo cơ sở thúc đẩy nhanh mục tiêu hướng đến tài chính toàn diện tại Việt Nam là rất cần thiết.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Cho vay ngang hàng

Theo ADB (2020) đã nêu: “Cho vay ngang hàng - một dịch vụ công nghệ tài chính (fintech) còn được gọi là huy động vốn từ cộng đồng hoặc huy động vốn từ cộng đồng dựa trên nợ - là một dịch vụ

tài chính trong đó người cho vay và người đi vay giao dịch trực tiếp mà không có sự trung gian của các tổ chức tài chính truyền thống”. Cho vay ngang hàng được kỳ vọng là giải pháp hỗ trợ đối với tín dụng tiêu dùng và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là những đối tượng cần giải ngân vốn trong thời gian ngắn hoặc không muốn tiếp cận tín dụng qua hệ thống ngân hàng.

Cho vay ngang hàng (P2P) là một sản phẩm của Fintech (công nghệ tài chính) trên thị trường vốn. Hiện tại, các nền tảng cho vay P2P đã hoạt động rất hiệu quả khi giảm thời gian cần thiết cho các khoản

thể hiện mức độ phổ cập của điện thoại di động tại Việt Nam. Tính đến năm 2021, số thuê bao di động tại Việt Nam chiếm 110% dân số. Chi phí để sở hữu chiếc điện thoại thông minh ngày càng rẻ khi mà thu nhập bình quân của người Việt tính đến quý 4/2022 là 6.7 triệu đồng/tháng (Tổng cục Thống kê, 2023). Bên cạnh đó, tỷ lệ cá nhân sử dụng Internet cũng ngày càng tăng và phổ biến, năm 2021, tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam là 74% dân số, như vậy trong giai đoạn 2017 - 2021, tỷ lệ này đã tăng từ 58% dân số lên 74% dân số.

Bảng 1. Số lượng người dùng internet và điện thoại di động tại Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số thuê bao di động (% dân số)	101%	105%	106%	105%	110%
Cá nhân sử dụng internet (% dân số)	58%	70%	69%	70%	74%

Nguồn: Data.worldbank.org

vay ngân hàng truyền thống từ vài tuần xuống còn vài giờ. Cho vay P2P là một nền tảng giao dịch tài chính mới bỏ qua các trung gian thông thường bằng cách kết nối trực tiếp người đi vay và người cho vay. Trung gian kỹ thuật số mới này được tạo ra trên cơ sở các nguyên tắc tín dụng vi mô (Yum, Lee & Chae, 2012) và đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây.

2.2. Tài chính toàn diện

Theo IMF (2019), tài chính toàn diện (TCTD) được xác định theo 3 tiêu chí: (i) tiếp cận với các dịch vụ tài chính; (ii) sử dụng dịch vụ tài chính; (iii) chất lượng của sản phẩm và dịch vụ. Bên cạnh đó, TCTD được hiểu là khi hệ thống tài chính hỗ trợ và cho phép mọi người dân đủ hiểu biết, cũng như dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài chính.

3. Khả năng ứng dụng hoạt động cho vay ngang hàng hướng đến tài chính toàn diện tại Việt Nam

3.1. Sự hiểu biết của người dân về ứng dụng công nghệ

Việt Nam là một trong những quốc gia có tiền đề tốt khi số lượng người dùng Internet và thiết bị di động ngày càng tăng trong những năm gần đây. Bảng 1 cho thấy số lượng thuê bao di động tại Việt Nam rất cao và tăng đều qua các năm, trong đó nhiều người dân sử dụng từ 2 số điện thoại trở lên,

3.2. Khả năng tiếp cận tài chính của người dân

Trong những năm qua, Việt Nam đã tăng đáng kể những chỉ số đánh giá khả năng tiếp cận tài chính của người dân. Bảng 2 cho thấy số lượng máy ATM/100000 người trưởng thành đã tăng từ 24.13 máy vào năm 2017 lên đến 27,05 máy vào năm 2021. Tuy nhiên, số lượng chi nhánh ngân hàng có sự biến động trong giai đoạn vừa qua. Cụ thể xét theo tiêu chí số lượng chi nhánh ngân hàng/100000 người trưởng thành năm 2017 là 3,45 chi nhánh, tăng vọt đến năm 2020 lên 4,01 chi nhánh nhưng sang năm 2021 thì giảm xuống còn 2,91 chi nhánh. Nguyên nhân của sự biến động này có thể do tác động của dịch bệnh Covid, các ngân hàng cần thích ứng và giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, theo xu hướng của cách mạng công nghệ ngân hàng thì số lượng chi nhánh công kênh cũng sẽ giảm lược bớt. Thay vào đó, ngân hàng đầu tư vào công nghệ số, tăng tiện ích cho khách hàng, giúp giảm thời gian giao dịch trực tiếp tại quầy.

Về dư nợ tiền gửi và dư nợ tín dụng xét trên % GDP cũng có sự tăng trưởng trong những năm vừa qua, cụ thể dư nợ tiền gửi tại các NHTM/GDP vào năm 2017 là 112,35% đã tăng lên 138,72% vào năm 2021. Dư nợ cho vay tại các NHTM/GDP vào năm 2017 là 100,42% tăng lên 121,22% vào năm 2021. Qua đó cho thấy, nhu cầu về tài chính bao

Bảng 2. Khả năng tiếp cận tài chính của người dân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng ATM /100.000 người trưởng thành	24,13	25,32	25,90	26,26	27,05
Số lượng chi nhánh ngân hàng /100.000 người trưởng thành	3,45	3,92	3,98	4,01	2,91
Dư nợ tiền gửi tại các NHTM (%GDP)	112,35%	114,33%	120,83%	132,64%	138,72%
Dư nợ tín dụng tại các NHTM (% GDP)	100,42%	102,07%	105,42%	112,6%	121,22%

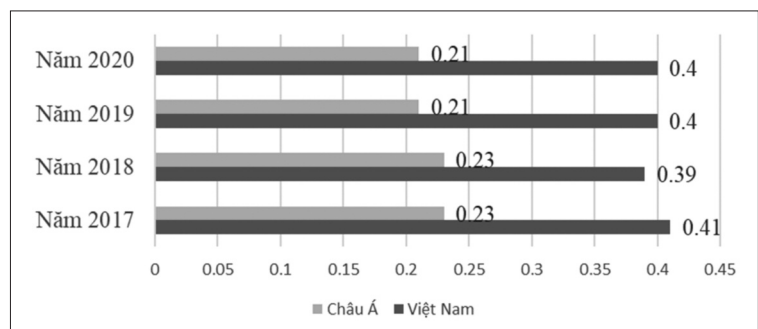
Nguồn: data.imf.org

gồm cả gửi tiền và cho vay trong nền kinh tế có xu hướng tăng lên, thể hiện tiềm năng phát triển trong nền kinh tế. Như vậy, lĩnh vực P2P lending rất có tiềm năng tại thị trường Việt Nam, vì nhu cầu về tài chính tăng đều qua các năm và các ngân hàng thương mại chưa thể đáp ứng hết nhu cầu của người dân, đặc biệt ngân hàng có xu hướng tập trung tại các khu đô thị và các thành phố lớn, những nhu cầu về tài chính nhỏ hơn và ở các vùng nông thôn vẫn đang là những thị trường có thể khai thác tốt. (Bảng 2)

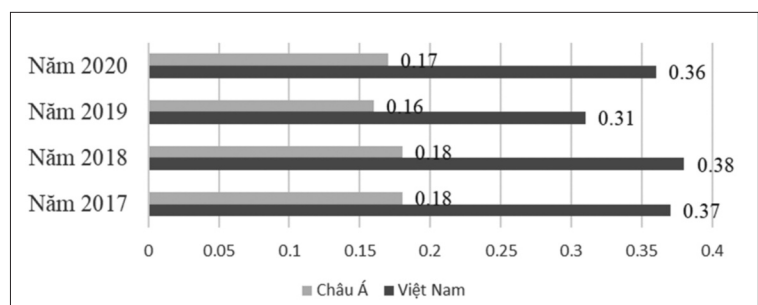
3.3. Tiềm năng của thị trường tài chính

Hình 1 cho thấy trong những năm gần đây, Việt Nam có chỉ số tiếp cận thị trường tài chính cao hơn trung bình các nước ở châu Á. Chỉ số tiếp cận thị trường tài chính tại Việt Nam dao động quanh mức 0,4, trong khi các nước châu Á trung bình chỉ ở trên mức 0,2. Điều này cho thấy, so với các quốc gia trong khu vực thì khả năng tiếp cận thị trường tài chính của Việt Nam được đánh giá cao, sẵn sàng đón nhận những dịch vụ tài chính mới và sẵn sàng trải nghiệm các nền tảng tài chính như P2P lending. Tuy nhiên, nếu nhìn vào Bảng 3 chưa thấy rõ xu hướng về mức độ tiếp cận thị trường tài chính tại Việt Nam trong những năm gần đây có chiều hướng tăng hay giảm, các con số dao động quanh mức 0,4. Trong khi thị trường châu Á có xu hướng giảm nhẹ từ 0,23 năm 2017 xuống còn 0,21 năm 2020.

Hình 2 cho thấy, nhìn chung, xét về chỉ số chung của thị trường tài chính thì Việt Nam vẫn được đánh giá cao hơn các nước trong khu vực. Trung bình trong những năm qua, chỉ số này của Việt Nam đều trên 0,3, thậm chí gần đạt 0,4. Tuy nhiên, với các nước trong khu vực trung bình chỉ số này chưa đạt đến 0,2. Điều này cho thấy, thị trường tài chính của Việt Nam rất tiềm năng và được đánh giá cao. Mặt khác, cả thị trường tài chính tại Việt Nam và các nước trong khu vực đang có sự biến động và thay đổi qua từng năm,

Hình 1: Chỉ số tiếp cận thị trường tài chính

Nguồn: data.imf.org

Hình 2: Chỉ số chung thị trường tài chính

Nguồn: data.imf.org

chưa thể hiện rõ xu hướng của thị trường nói chung trong những năm qua.

3.4. Các công ty P2P Lending tại Việt Nam

Ngay khi làn sóng Fintech ồ ạt vào Việt Nam thì các công ty P2P lending cũng đã xuất hiện, giai đoạn những năm 2016 - 2018, Việt Nam tăng chóng mặt số lượng các nền tảng cho vay ngang hàng, có giai đoạn lên đến gần 100 nền tảng P2P lending (Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước, 2020). Tuy nhiên, sau một thời gian điều chỉnh và thích ứng với thị trường, đã có nhiều doanh nghiệp không còn hoạt động, hiện có 5 doanh nghiệp nổi bật trên thị trường trong lĩnh vực này là Lendbiz, Eloan, Vaymuon, Vnvn, Huydong. (Bảng 3)

chính truyền thống, các công ty bigtech, bên thứ ba... để mở rộng hoạt động của mình.

4. Đề xuất giải pháp cho hoạt động của P2P Lending hướng tới tài chính toàn diện

Một là, Việt Nam cần có hệ thống hành lang pháp lý và quản lý hoạt động trong lĩnh vực cho vay ngang hàng.

Trong những năm qua, Chính phủ và NHNN cũng đã thể hiện sự quan tâm rõ rệt đối với công nghệ số dịch vụ ngân hàng và những sáng kiến đổi mới phát huy giá trị tiềm năng của các nền tảng tài chính mới. Điều này thể hiện qua những văn bản pháp lý mang tính định hướng như:

- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016)

Bảng 3. Danh sách các công ty P2P lending hoạt động tốt tại Việt Nam hiện nay

STT	Tên nền tảng	Hình thức	Đối tượng	Số tiền trung bình (đồng)	Trụ sở
1	Lendbiz	Truyền thống	Hộ kinh doanh, doanh nghiệp SME	2 triệu	Hà Nội
2	Eloan	Truyền thống	Hộ kinh doanh, doanh nghiệp SME	1 triệu	TP. Hồ Chí Minh
3	Vaymuon	Truyền thống	Vay tiêu dùng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp SME	1 triệu	Hà Nội
4	Vnvn	Truyền thống	Vay tiêu dùng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp SME	10 triệu	Hà Nội
5	Huydong	Truyền thống	Doanh nghiệp có vốn tối đa 2 tỷ	500 nghìn	TP. Hồ Chí Minh

Nguồn: Lender.vn tổng hợp ngày 10/02/2023

Như vậy, theo đánh giá chung, thị trường Việt Nam cũng là một thị trường sẵn sàng tiếp nhận và trải nghiệm công nghệ, người dân cũng đã có nền tảng tương đối với những sản phẩm công nghệ, là một trong những yếu tố cần đạt được trong tài chính toàn diện và cơ sở để triển khai, mở rộng mô hình kinh doanh cho vay ngang hàng.

3.5. Những tồn tại chính của hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam

Thứ nhất là, hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam hiện nay vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bởi lẽ hiện nay chưa có một hành lang pháp lý chi tiết hướng dẫn về hoạt động này. Do đó, nếu có xảy ra rủi ro, các bên tham gia bao gồm cả nhà đầu tư và người có nhu cầu vay vốn đều không được giải quyết, đền bù hay khiếu nại.

Thứ hai là, các công ty p2p lending tại Việt Nam hiện nay vẫn loay hoay trong việc hợp tác với các bên liên quan như các ngân hàng, các công ty tài

của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 với mục tiêu “Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới”.

- Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 5 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế. Mục tiêu chung của Đề án là “Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng cơ bản phù hợp với nhu cầu, có chất lượng, có mức chi phí hợp lý đối với đại bộ phận dân cư ở độ tuổi trưởng thành và doanh nghiệp, nhất là dân cư ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, dựa trên hệ thống các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, lành mạnh, có trách nhiệm và phát triển bền vững.”

Tuy nhiên, hệ thống pháp lý vẫn chỉ dừng lại việc mang tính định hướng mà chưa có những văn bản luật hay các thông tư hướng dẫn cụ thể trong hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước cũng đã xây dựng dự thảo cho phép cơ chế thử nghiệm sandbox đối với hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam. Tuy nhiên, sau nhiều năm, dự thảo này vẫn chỉ trên giấy và chưa được ban hành. Bên cạnh đó, tính pháp lý của những hợp đồng giao dịch điện tử vẫn đang bị bỏ ngỏ. Như vậy, để triển khai được mô hình cho vay ngang hàng trong thực tiễn cần sự phối hợp và xây dựng hệ thống hành lang pháp lý của rất nhiều bộ ban ngành, không chỉ riêng vai trò, trách nhiệm của NHNN.

Hai là, các nền tảng cho vay ngang hàng nên được hỗ trợ tăng cường hợp tác và đầu tư. Chính phủ cần xây dựng và hoàn thiện đường lối đổi mới và hệ thống mạng lưới hỗ trợ sáng tạo của khởi nghiệp nói chung và startup trong lĩnh vực P2P lending cụ thể sau:

- Cần xây dựng các quy định về hệ sinh thái liên kết giữa các ngân hàng, công ty fintech, công ty bigtech, bên thứ 3, các trang thương mại điện tử,...
- Cần có quy định về yêu cầu vốn, công nghệ, tiêu chuẩn quản lý và điều hành.
- Cần thiết lập những trung tâm kết nối với các doanh nghiệp. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước có nền kinh tế phát triển hệ sinh thái Fintech nói chung như Mỹ, Anh, Singapore, Hồng Kong, đã

thiết lập những Trung tâm đổi mới sáng tạo khi có sự kết hợp chặt chẽ giữa Chính phủ và khu vực tư nhân. Ví dụ như Cyberport - Fintech Hub của Hồng Kông; Phòng thí nghiệm đổi mới công nghệ “Looking Glass” của Singapore... (Tran, 2021).

Ngoài ra, các nền tảng cho vay ngang hàng cũng cần chủ động liên kết với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, hỗ trợ giới thiệu sản phẩm và làm cầu nối giữa những tổ chức này đến nhà đầu tư là những người có nguồn vốn nhàn rỗi. Bên cạnh đó, một trong những nguyên nhân làm người sử dụng dịch vụ còn e dè khi tiếp cận với các nền tảng cho vay này đó là sự đảm bảo an toàn. Nắm bắt tâm lý đó, các công ty P2P lending có thể liên kết với các công ty bảo hiểm để cung ứng những sản phẩm tích hợp cho khách hàng như sản phẩm tiền gửi có kèm bảo hiểm hoặc sản phẩm cho vay tiêu dùng kèm bảo hiểm, giống như cách thức mà các NHTM đã bán chéo các sản phẩm bancassurance.

Tóm lại, mô hình cho vay ngang hàng đã xuất hiện tại Việt Nam, có tiềm năng, tuy nhiên tồn tại những rào cản nhất định nên chưa thể phát huy được vai trò trong hệ sinh thái tài chính toàn diện. Với đặc điểm mô hình này, thu hút và chuyển giao những khoản vốn nhỏ lẻ, dành cho những cá nhân, hộ gia đình, những doanh nghiệp SME, các P2P lending được kỳ vọng sẽ tạo nên những đột phá và giúp đẩy nhanh việc hoàn thành mục tiêu hướng đến TCTD tại Việt Nam trong tương lai nếu được hỗ trợ về mặt hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổng cục Thống kê (2023). Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2022. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2022/>
2. Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước (2020), Chương trình tập huấn về cho vay ngang hàng. Truy cập tại <http://truongnganhang.edu.vn/AIAdmin/News/View/tabid/66/newsid/6829/seo/Tai-lieu-khoa-boi-duong-Mo-hinh-cho-vay-ngang-hang/Default.aspx>
3. ADB, (2020). Determinants of Peer-to-Peer Lending Expansion: The Roles of Financial Development and Financial Literacy. [Online] Available at <https://www.adb.org/publications/peer-to-peer-lending-expansion>
4. IMF staff team led by Nicolas Blancher. (2019). Financial Inclusion of Small and Medium-Sized Enterprises in the Middle East and Central Asia. Washington DC: International Monetary Fund
5. Tran, T. K. (2021). Recommendations contributing to the development of financial technology (Fintech) in Vietnam. International Journal of Research in Finance and Management, 4(2), 74-80.

6. Yum, H., Lee, B., & Chae, M. (2012), From the wisdom of crowds to my own judgment in microfinance through online peer-to-peer lending platforms. *Electronic Commerce Research and Applications*, 11(5), 4/69-483.

7. Các website: <https://data.imf.org/?sk=E5DCAB7E-A5CA-4892-A6EA-598B5463A34C&sId=1460043522778>,
<https://data.worldbank.org/indicator/IT.NET.USER.ZS?locations=VN&view=chart>, <https://data.worldbank.org/indicator/IT.CEL.SETS.P2?locations=VN&view=chart>

Ngày nhận bài: 13/8/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/9/2023

Thông tin tác giả:

1. TẠ THU HỒNG NHUNG

2. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

PEER-TO-PEER LENDING ACTIVITIES TOWARDS THE GOAL OF COMPREHENSIVE FINANCE

● **TA THU HONG NHUNG¹**

● **NGUYEN MANH HUNG¹**

¹Ho Chi Minh City University of Banking

ABSTRACT:

Peer-to-peer lending is a fintech model that has operated in Vietnam with the orientation of connecting investors and borrowers for small loans. Meanwhile, Vietnam is putting efforts into achieving the goal of comprehensive finance, especially after the Prime Minister signed Decision No. 149 QD/TTg dated January 22, 2020, on the approval of the National financial inclusion strategy in Vietnam until 2025, with a vision towards 2030. This paper analyzes peer-to-peer lending activities and financial access to assess the development potential of this financial model in Vietnam. Based on the paper's findings, some solutions are proposed to help this model expand in the future, contributing to the goal of comprehensive finance.

Keywords: peer-to-peer lending, comprehensive finance, financial intermediation, idle capital